

Kế toán tài chính A1

KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC



Ths. Lê Thị Mỹ Hạnh

1. Kế toán tiền

1.1 Khái niệm

Tiền là

- một bộ phận của tài sản ngắn hạn,
- có tính linh hoạt cao nhất trong bất kỳ một đơn vị sản xuất kinh doanh nào.
 - Phản ánh khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- Vốn bằng tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển

1.2 Kế toán tiền mặt (tt)

Tiền mặt tại quỹ bao gồm:

- **Tiền Việt Nam,**
- **Ngoại tệ,**
- **Vàng bạc, đá quý, kim khí quý.**

Trong các doanh nghiệp, thủ quỹ là người thực hiện các nghiệp vụ thu chi tiền mặt và bảo quản tiền mặt tại quỹ.



1.2 Kế toán tiền mặt (tt)

1.2.1 Chứng từ sử dụng

- **Phiếu thu**
- **Phiếu chi**
- **Bảng kê tiền mặt**
- **...**

PHIẾU THU

Ngày Tháng Năm

TK Nợ :

TK Có :

Họ tên người nộp tiền :

Địa chỉ :

Lý do :

Số tiền viết bằng số :

Số tiền viết bằng chữ :

Số lượng chứng từ gốc kèm theo :

.....

Chứng từ

Người nộp

Thủ quỹ

Kế toán
trưởng

Giám Đốc⁹

1.2 Kế toán tiền mặt (tt)

1.2.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản **111** “tiền mặt”
- Tài khoản **111** có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản **1111**: Tiền Việt Nam (tiền mặt, ngân phiếu, séc...)
 - Tài khoản **1112**: Ngoại tệ (đã quy đổi ra tiền Việt Nam khi hạch toán)
 - Tài khoản **1113**: Vàng bạc, đá quý, kim khí quý (đã quy đổi ra tiền Việt Nam khi hạch toán)

1.2.3 Nguyên tắc ghi nhận

111 “Tiền mặt”

- **SĐĐK**: Tiền mặt hiện có đầu kỳ

- **Tiền mặt tăng lên**

- **SĐCK**: Tiền mặt hiện còn CK

- **Tiền mặt giảm xuống**

1.2.4 Nội dung và phương pháp phản ánh

Những nghiệp vụ làm tăng tiền mặt (thu tiền):

(1) Khi rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, ghi:

Nợ TK 111(1111) – Tiền mặt

Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

(2) Khi thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bằng tiền mặt và nhập quỹ, ghi:

Nợ TK 111(1111) – Tiền mặt

**Có TK 511 – Doanh thu bán hàng
theo giá bán chưa thuế**

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

1.2.4 Nội dung phản ánh

(4) Khi thu hồi và nhập quỹ các khoản nợ phải thu bằng tiền mặt hoặc nhận tiền ứng trước của khách hàng

Nợ TK 111 (1111) – Tiền mặt

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có TK 136 – Phải thu nội bộ

Có TK 138 – Phải thu khác

1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ **Giấy báo Nợ,**
- ✓ **Giấy báo Có (bản sao kê ngân hàng)**
- ✓ **Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi,**
- ✓ **Sec**

1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng (tt)

1.3.2 Tài khoản sử dụng

- **TK 112 “ Tiền gửi Ngân hàng”**
- **Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp 2:**
 - **TK 1121 – Tiền Việt Nam**
 - **TK 1122 - Ngoại tệ**
 - **TK 1123 – Vàng, bạc, đá quý**

1.3.3 Nguyên tắc ghi nhận

112 “Tiền gửi NH”

-SDĐK: TGNH hiện có đầu kỳ -TGNH tăng lên	- TGNH giảm
-SDCK: TGNH hiện còn CK	

1.3.3 Nội dung phản ánh

■ Tiên Việt Nam

Những nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng:

(1) Gửi tiền mặt tại quỹ vào ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 111 (1111, 1112)

(2) Thu tiền từ doanh thu bán hàng, bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Những nghiệp vụ làm tăng TGNH

(2) **Khi nhận được giấy báo Có về khoản thu từ các khoản phải thu, ghi:**

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có TK 136 – Phải thu nội bộ

Có TK 138 – Phải thu khác

Những nghiệp vụ làm tăng TGNH

(3) Khi nhận được giấy báo Có về khoản tiền đang chuyển đã chuyển đến tài khoản của đơn vị, ghi:

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng
Có TK 113 – Tiền đang chuyển

(4) Khi thu tiền từ các khoản tạm ứng, các khoản ứng trước bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 141 – Tạm ứng

Có TK 144 – Ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Có TK 244 – Ký cược, ký quỹ dài hạn

1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng

- (5) **Nhận góp vốn liên doanh của các đơn vị khác bằng chuyển khoản, ghi:**

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

- (6) **Căn cứ vào giấy báo Có của Ngân hàng về khoản tiền lãi của đơn vị, ghi:**

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Những nghiệp vụ làm giảm TGNH

(1) Dùng tiền gửi ngân hàng đầu tư tài chính, ghi:

Nợ TK 121 – Chứng khoán ngắn hạn (Cổ phiếu, trái phiếu)

Nợ TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác

Nợ TK 221 – Đầu tư chứng khoán dài hạn

Nợ TK 222 – Góp vốn liên doanh dài hạn

Nợ TK 228 – Đầu tư dài hạn khác

Có TK 112

Những nghiệp vụ làm giảm TGNH

(2) Mua vật liệu, hàng hoá, tài sản cố định hoặc chi trả các khoản chi phí phát sinh bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 151, 152, 153, 156, 211, 213... – Vật liệu, hàng hoá, tài sản cố định...

Nợ TK 621, 627, 641, 642, 811 – Chi phí phát sinh

Có TK 112

Những nghiệp vụ làm giảm TGNH (tt)



(3) Thanh toán các khoản nợ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 311, 315, 331, 333, 338, 341, 342 – Các khoản nợ phải trả

Có TK 112

Những nghiệp vụ làm giảm TGNH (tt)



(4) Chi các khoản tạm ứng, ứng trước bằng tiền gửi ngân hàng, ghi:

Nợ TK 141 – Tạm ứng

Nợ TK 144 – Ký cược, ký quỹ ngắn hạn

Nợ TK 244 – Ký cược, ký quỹ dài hạn

Có TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Những nghiệp vụ làm giảm TGNH (tt)

(5) Khi có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán với ngân hàng,

▪ Nếu số liệu trên sổ kế toán > số ngân hàng:

Nợ TK 112

Có TK 3381 – Tài sản thừa chờ xử lý

▪ Nếu số liệu trên sổ kế toán < số ngân hàng:

Nợ TK 1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK 112

1.4 Kế toán tiền đang chuyển

- **Tiền đang chuyển trong DN bao gồm:**
 - **Tiền mặt hay séc thu được chuyển thẳng vào ngân hàng**
 - **Tiền chuyển từ ngân hàng này sang ngân hàng khác**
 - **Tiền chuyển qua bưu điện để trả cho đơn vị khác**
 - **Tiền bán hàng thu được nộp thuế ngay cho kho bạc**



1.4.1 Chứng từ sử dụng

- **phiếu chi,**
- **giấy nộp tiền,**
- **biên lai thu tiền,**
- **giấy báo Nợ, báo có của ngân hàng**

1.4.2 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 113 – Tiền đang chuyển**
- **Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp 2:**
 - **TK 1131 “Tiền Việt Nam”**
 - **TK 1132 “Ngoại tệ”**

1.4.3 Nguyên tắc ghi nhận

113 “Tiền đang chuyển”

-SDĐK: Tiền đang chuyển đầu kỳ

-Tiền đang chuyển tăng

-SDCK: Tiền đang chuyển hiện có CK

- Tiền đang chuyển giảm

1.4.4 Nội dung phản ánh

Những nghiệp vụ làm tăng tiền đang chuyển:

- Gửi tiền mặt tại quỹ vào ngân hàng nhưng đến cuối kỳ chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng, ghi:**

**Nợ TK 113 (1131, 1132) – Tiền đang chuyển
Có TK 111 (1111, 1112) – Tiền mặt**

1.4.4 Nội dung phản ánh

- (2) Thu tiền từ bán hàng, hoặc thu nợ của khách hàng bằng tiền mặt hay séc và chuyển thẳng vào ngân hàng không qua nhập quỹ, cuối kỳ chưa nhận được giấy báo của ngân hàng, ghi:

Nợ TK 113 (1131, 1132) – Tiền đang chuyển

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

1.4.3 Nội dung phản ánh

- (3) **Chuyển tiền qua ngân hàng, bưu điện để thanh toán cho khách hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa được giấy báo của khách hàng, ghi:**

Nợ TK 113 (1131, 1132) – Tiền đang chuyển

Có TK 111 (1111, 1112) – Tiền mặt

Những nghiệp vụ làm tăng tiền đang chuyển

(1) Khi nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản tiền đang chuyển đã chuyển đến ngân hàng, ghi:

Nợ TK 112 (1121, 1122) – Tiền gửi ngân hàng

Có TK 113 (1131, 1132) – Tiền đang chuyển

(2) Khi nhận được giấy báo Có về khoản nợ đã được thanh toán, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

Có TK 113 (1131, 1132) – Tiền đang chuyển